

Bản án số: **270/2022/KDTM-PT**

Ngày: 25/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 201/2020/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020 về vụ việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 73/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 405/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sài Gòn;

Địa chỉ: phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Tiến D – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977

(Giấy ủy quyền số 21/GUQ-THS ngày 17/03/2022);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo S – Luật sư Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Thái Sơn;

Địa chỉ: Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm G – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trọng H, sinh năm 1979

(Giấy ủy quyền số 1196/UQ-TS ngày 04/11/2020);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Viết T –

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1958

Địa chỉ: phường Văn Chương, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Thái Sơn; Ông Nguyễn Đức V;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Công ty TNHH Thái Sơn (gọi tắt là Công ty Thái Sơn) và Công ty Cổ phần Sài Gòn (Công ty APT) có mối quan hệ làm ăn và cùng hợp tác với nhau trong việc kinh doanh thành lập công ty và cùng phân chia lợi nhuận. Thông qua rất nhiều cuộc đàm phán, nói chuyện và ký kết các hợp đồng nên giữa hai công ty có sự tin tưởng trong quan hệ làm ăn kinh tế. Ngày 22/02/2008, Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga do ông Nguyễn Đức V là đại diện theo pháp luật ký công văn gửi cho Công ty APT với nội dung đề nghị Công ty APT tạm ứng số tiền xin mã code để xuất khẩu thủy hải sản sang thị trường Nga với số tiền tạm ứng là 175.000 USD tương đương 2.788.975.000 đồng. Số tiền này ông V ký nhận trực tiếp theo phiếu chi ngày 26/02/2008 của Công ty APT. Sau khi xin được mã code chi nhánh Công ty Thái Sơn đã trả được 125.062,38 USD còn nợ lại 49.937,62 USD. Mặc dù, Công ty APT có nhiều văn bản nhắc nhở sau khi hai bên tiến hành đối chiếu công nợ nhưng phía ông V không hoàn trả.

Nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là 49.937,62 USD tương đương 972.784.838 đồng cùng tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 13/3/2008 đến ngày Tòa xét xử vụ án với số tiền 1.379.627.635 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày:

Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga được thành lập và chịu sự quản lý của Công ty Thái Sơn. Tại thời điểm phát sinh giao dịch giữa Công ty APT và Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga thì Công ty Thái Sơn không biết. Vì toàn bộ số tiền ông V nhận hoặc chi trả cho Công ty APT hoàn toàn không có xuất hóa đơn hay bất cứ chứng từ gì do Công ty Thái Sơn phát hành. Mặc khác, hàng năm theo quy chế chi nhánh công ty đều phải báo cáo về tình hình hoạt động của chi nhánh và công ty nhưng cũng không có nội dung nào thể hiện số tiền mà nguyên đơn tranh chấp. Do đó, đây chỉ là giao dịch dân sự cá nhân ông V lúc này là đại diện theo pháp luật của chi nhánh tự mình thực hiện với nguyên đơn và theo quy chế làm việc chi nhánh thì ông V phải chịu trách nhiệm với những việc làm sai vượt quá thẩm quyền của mình. Bản thân ông V cũng có ký biên bản làm việc với Công ty Thái Sơn xác định đây là nợ riêng của ông. Do đó, trong vụ án này Công ty Thái Sơn không phải là bị đơn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn hoàn trả số tiền xin code do ông V giám đốc chi nhánh của công ty tại Liên bang Nga ký công văn tạm ứng là hoàn toàn không có cơ sở. Nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng ký giữa nguyên đơn với chi nhánh liên quan đến việc xin mã code. Bản thân ông V cũng

xác định đây là giao dịch riêng cá nhân không liên quan đến công ty nên ông V đã nhận sai sót trong việc tự ý đóng dấu chỉ nhánh vào công văn tạm ứng tiền gửi cho nguyên đơn. Mặc khác, phiếu chi do nguyên đơn xuất trình cũng vi phạm nguyên tắc tài chính vì không chuyển tiền qua ngân hàng mà trực tiếp chi tiền mặt cho ông V. Đối với số tiền nguyên đơn đã nhận được một phần trong tổng số tiền tạm ứng mã code thì đây là số tiền cá nhân ông V chuyển trả không phải tiền công ty. Quá trình giải quyết vụ án, ông V có đơn yêu cầu độc lập đề nghị nguyên đơn hoàn trả lại số tiền 300.000 USD là tiền ông V đã xin được mã code cho nguyên đơn nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông V

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 73/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH Thái Sơn thanh toán cho Công ty Cổ phần Sài Gòn số tiền gốc còn thiếu là 972.784.838 (chín trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng và tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.379.627.635 (một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi lăm) đồng. Tổng cộng là 2.352.412.419 (hai tỷ ba trăm năm mươi hai triệu bốn trăm mười hai ngàn bốn trăm mười chín) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[2] Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức V yêu cầu Công ty Cổ phần Sài Gòn trả số tiền gốc 6.990.000.000 (sáu tỷ chín trăm chín mươi triệu) đồng và tiền lãi.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Thái Sơn chịu 79.048.248 đồng.

Trả lại cho Công ty Cổ phần Sài Gòn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.406.168 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09729 ngày 03/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông V được miễn nộp án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 05/10/2020, Công ty TNHH Thái Sơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên với yêu cầu:

Tuyên bố giao dịch vay tài sản giữa Công ty Cổ phần Sài Gòn với Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga do ông Nguyễn Đức V là giám đốc chi nhánh xác lập là vô hiệu.

Buộc ông V hoàn trả số tiền ứng cho Công ty Cổ phần Sài Gòn theo như cam kết của ông V trong hồ sơ vụ án.

Ngày 19/10/2020 ông Nguyễn Đức V kháng cáo với yêu cầu: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức V; Giao dịch giữa các đương sự bằng ngoại tệ, nguyên đơn không có chức năng kinh doanh ngoại hối nên việc cấp sơ thẩm tính lãi trên khoản tiền vay còn lại là không đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước nên sửa phần này cho phù hợp với quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thái Sơn và của ông Nguyễn Đức V làm trong hạn luật định nên chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Đức V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng bị coi là từ bỏ việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông V và công nhận phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức V tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 73/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh phát sinh hiệu lực pháp luật thi hành theo quy định tại các Điều 295, khoản 3 Điều 296, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Xét yêu cầu kháng cáo còn lại của Công ty TNHH Thái Sơn có đủ căn cứ để xác định:

Ngày 22/02/2008, Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga do ông Nguyễn Đức V làm đại diện theo pháp luật ký công văn gửi cho Công ty Cổ phần Sài Gòn (Công ty APT) với nội dung đề nghị Công ty APT tạm ứng số tiền xin mã code để xuất khẩu thủy hải sản sang thị trường Nga với số tiền tạm ứng là 175.000 USD tương đương 2.788.975.000 đồng. Số tiền này ông Vượng ký nhận trực tiếp theo phiếu chi ngày 26/02/2008 của Công ty APT. Sau khi xin được mã code Chi nhánh Công ty Thái Sơn đã trả được 125.062,38 USD, còn nợ

lại số tiền 49.937,62 USD đến nay chưa thanh toán. Khoản nợ này giữa Công ty APT với ông Nguyễn Đức V thừa nhận không tranh chấp.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là 49.937,62 USD tương đương 972.784.838 đồng cùng tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 13/3/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án với số tiền 1.379.627.635 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán khoản nợ vay còn thiếu với số tiền tương đương 49.937,62 USD là có căn cứ. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm lại quy đổi khoản tiền nợ vay 49.937,62 USD bằng tiền đồng Việt Nam và tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi các đương sự thừa nhận giao dịch vay mượn bằng tiền là đô la Mỹ để ứng chi phí xin code xuất hàng sang Nga. Theo Quyết định số 2589/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất tối đa tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TT-NHNN ngày 17/03/2014 là 0 %/năm. Mặt khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty APT cung cấp tại cấp phúc thẩm tại thời điểm trước và sau khi giao dịch cho vay thì Công ty APT về ngành, nghề kinh doanh không có chức năng kinh doanh cho vay ngoại tệ, trái với quy định tại Điều 36 Pháp lệnh ngoại hối ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dù các bên có lập Biên bản đối chiếu chi tiết tiền vay để xin mã code đi Nga ngày 31/12/2008 thỏa thuận trả lãi là 1,7%/tháng trên số tiền 175.000 USD nhưng thỏa thuận này không phù hợp với quy định pháp luật như đã viện dẫn trên. Do đó cần sửa phần này của cấp sơ thẩm, bị đơn chỉ trả khoản tiền nợ vay tương đương 49.937,62 USD còn lại mà không phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo yêu cầu nguyên đơn:

Ngày 09/02/2010 Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 419/QĐ-BQP về việc chuyển Công ty Thái Sơn thành Công ty TNHH Thái Sơn hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con.

Ngày 03/6/2004 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 11201/QĐ-BQP về việc thành lập Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga; Tại Giấy chứng nhận số 062/TM-TT.TNNN ngày 06/01/2005 của Sở Thương mại chứng nhận đăng ký việc thành lập chi nhánh công ty ở nước ngoài; Ngày 16/02/2004 Giám đốc Công ty Thái Sơn có Quyết định số 101/QĐTS về việc thành lập Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Matxcova Liên bang Nga; Ngày 27/8/2007 Tổng giám đốc Công ty Thái Sơn ra Quyết định số 885/QĐ-TS thì có cơ sở xác định ông Nguyễn Đức V là người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga.

Như vậy Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga được thành lập và chịu sự quản lý của Công ty Thái Sơn theo đúng quy định pháp luật và ông V là người đại diện theo pháp luật của chi nhánh tại Liên bang Nga.

Căn cứ Khoản 1 Điều 37 Luật Doanh nghiệp quy định “*Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền. Ngành,*

nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp”. Theo bị đơn tại Điều 7 của Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Matxcova và Liên bang Nga quy định “*Hợp đồng trị giá 200 triệu VN đồng trở lên thuộc thẩm quyền của Giám đốc công ty, Giám đốc chi nhánh được ký căn cứ giấy ủy quyền của Giám đốc theo từng vụ việc*” nên đây là chứng cứ chứng minh ông V ký vượt quá thẩm quyền nên phải tự chịu với trách nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, tại Điều 84 Bộ luật Dân sự quy định chi nhánh không phải là pháp nhân nên mọi giao dịch do chi nhánh thực hiện với các đối tác được hiểu là thực hiện theo sự ủy quyền của doanh nghiệp, khi có tranh chấp, phát sinh, doanh nghiệp là chủ thể chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật và trước đối tác. Điều này phù hợp với lời khai của bị đơn xác định việc ban hành Quy chế làm việc của chi nhánh là đúng với quy định pháp luật và phù hợp với nội dung tại Điều 9 của Quy chế quy định chi nhánh là đơn vị kinh tế phụ thuộc và hạch toán kinh tế phụ thuộc Công ty Thái Sơn. Như vậy, việc bị đơn cho rằng chi nhánh thực hiện việc xin mã code, nhận tiền, trả tiền cho nguyên đơn là thực hiện với tư cách cá nhân ông V và ông V có trách nhiệm trả cho Công ty APT là không có cơ sở xem xét.

Tại Biên bản làm việc ngày 8/3/2011 giữa Công ty Thái Sơn với ông V ghi rõ nội dung số tiền nguyên đơn tranh chấp là do ông V chịu trách nhiệm cá nhân không liên quan đến Công ty Thái Sơn. Biên bản làm việc này hoàn toàn không có ý kiến của bên có quyền là Công ty APT nên biên bản này không được xem là căn cứ để xem xét theo yêu cầu của bị đơn.

Đại diện bị đơn cho rằng hoàn toàn không biết giao dịch này với nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được tài liệu nào chứng minh việc chi nhánh sử dụng con dấu vượt quá thẩm quyền của mình ngoài quy định tại Quy chế. Mặc khác, bị đơn cũng khai nhận có thực hiện công việc kiểm tra định kỳ công tác tài chính của chi nhánh nhưng không có tài liệu nào ghi nhận về số tiền này.

Như đã nhận xét phần trên thì đây là hoạt động phát sinh từ chi nhánh nên Công ty Thái Sơn với tư cách là pháp nhân phải chịu trách nhiệm từ các hoạt động của Chi nhánh Công ty Thái Sơn tại Liên bang Nga và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo yêu cầu nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm bên bị đơn cũng thừa nhận không đưa ra chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình khi không phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, yêu cầu kháng cáo phần này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận, được tính: $1.379.627.635 = 36.000.000 + (5.379.627.635 \times 3\% = 17.388.829) = 53.388.829$ đồng (làm tròn 53.389.000 đồng);

Bị đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn, được tính: 49.937,62 USD (Theo tỷ giá Trung tâm của đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 25/05/2022 là 23.103 VNĐ/1USD).

$49.937,62 \text{ USD} \times 23.103 \text{ VNĐ} = 1.153.708.834 \text{ VNĐ}; 1.153.708.834 = 36.000.000 + (353.708.834 \times 3\% = 10.611.265) = 46.611.265 \text{ đồng}.$

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty TNHH Thái Sơn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng do sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Miễn tiền án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức V theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Điều 295, Khoản 3 Điều 296, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức V về yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông theo đơn kháng cáo ngày 19/10/2020.

Phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức V tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 73/2020/KDTM-ST ngày 29/09/2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh phát sinh hiệu lực pháp luật thi hành.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thái Sơn.

Sửa một phần bản án sơ thẩm, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần Sài Gòn.

Công ty TNHH Thái Sơn phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sài Gòn số tiền nợ gốc còn thiếu tương đương 49.937,62 USD ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ở thời điểm thanh toán tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Thái Sơn phải chịu số tiền là 46.611.265 đồng.

Công ty Cổ phần Sài Gòn phải chịu số tiền là 53.389.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.406.168 đồng theo Biên lai thu số AC/2010/09729 ngày 03/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Sài Gòn còn phải nộp thêm số tiền là 25.982.832 đồng.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Đức V theo quy định pháp luật.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Công ty TNHH Thái Sơn là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0049581 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận H;
- Chi cục THADS Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên